

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP NEWJERSEY VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP NEWJERSEY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEWJERSEY VIET NAM BUILDING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NEWJERSEY VNBI.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108033258

**3. Ngày thành lập:** 24/10/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 29, ngõ 79 tổ 13, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02421206555

Fax:

Email: [newjersey.http@gmail.com](mailto:newjersey.http@gmail.com)

Website: [newjersey.com.vn](http://newjersey.com.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2670        |
| 2.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2740        |
| 3.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2750        |
| 4.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4100        |
| 5.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4210        |
| 6.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4311        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                    | 4653        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim<br>Bán buôn sơn, vécni         | 4663(Chính) |
| 9.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4772 |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: -Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                    | 8299 |
| 12. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2733 |
| 13. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2817 |
| 14. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                       | 3290 |
| 15. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4220 |
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.         | 4290 |
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4312 |
| 18. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng                               | 4329 |
| 19. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330 |
| 20. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như:<br>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,<br>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,<br>+ Chống ẩm các toà nhà, ... | 4390 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                                                                                                                               | 4649 |
| 22. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4651 |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4652 |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br><br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659 |
| 25. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2022 |
| 26. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2023 |
| 27. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2599 |
| 28. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2651 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN VĂN PHÚ   | Xóm Mới, thôn Quang Ngọc, Xã Vạn Thắng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 297.000    | 2.970.000.000         | 30,000    | 001079014870                                                                                |         |
|     |                |                                                                                              | Tổng số           | 297.000    | 2.970.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ THẾ HIỂN    | Số nhà 30 ngõ 79 tổ 13, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 396.000    | 3.960.000.000         | 40,000    | 111350163                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                              | Tổng số           | 396.000    | 3.960.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN NGỌC TUẤN | P710-CT2-ĐN2 KĐT mới Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 297.000    | 2.970.000.000         | 30,000    | 044082000003                                                                                |         |
|     |                |                                                                                              | Tổng số           | 297.000    | 2.970.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THẾ HIỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 17/07/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 111350163

Ngày cấp: 09/04/2009

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 30 ngõ 79 tổ 13, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 30 ngõ 79 tổ 13, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội